

RÈN KĨ NĂNG ĐẶT CÂU VÀ CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ, VỊ NGỮ CHO HỌC SINH LỚP 6 TRONG MÔN HỌC TIẾNG VIỆT

PHẠM THỊ NHÀI*

Abstract: Like human language in general, the Vietnamese sentence is an important means of communication in society and the stuff of artistic creation - language arts, contributing to showing the sophistication, flexibility in conveying the creator's message. On the other hand, the Vietnamese sentence is inextricably linked with awareness activities and thinking of Viet Nam, bearing the nature of thinking and lifestyle of the Vietnamese. Therefore, using the Vietnamese, studying the Vietnamese, it's essential to learn to understand, to feel the "people's spirit".

Keywords: Vietnamese subjects, students, asking.

Cũng như ngôn ngữ của loài người nói chung, câu tiếng Việt (TV) là một phương tiện giao tiếp quan trọng trong xã hội và là chất liệu của sáng tạo nghệ thuật - nghệ thuật ngôn từ, góp phần thể hiện sự tinh tế, uyển chuyển trong việc chuyển tải thông điệp của người sáng tạo. Mặt khác, câu TV gắn bó chặt chẽ với hoạt động nhận thức và tư duy, mang dấu ấn về nếp nghĩ và nếp sống của người Việt. Vì thế, sử dụng câu TV, học TV phải hiểu được, cảm nhận được phần "linh hồn dân tộc" đó.

1. Trong quá trình giảng dạy, nhiệm vụ của giáo viên (GV) dạy Ngữ văn nói chung và dạy phân môn TV nói riêng là rất quan trọng, giúp học sinh (HS) tiếp thu kiến thức cũng như tư duy chính xác, có kĩ năng giao tiếp và viết văn. Tuy nhiên trên thực tế, số giờ dạy TV, cụ thể là rèn kĩ năng đặt câu và sửa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ cho HS đạt hiệu quả chưa cao. Trong quá trình dạy học, chúng tôi thấy kĩ năng đặt câu và chữa lỗi câu của HS còn chưa tốt. Nhiều HS thường tỏ ra lúng túng khi được GV yêu cầu đặt câu; thậm chí ngay cả khi đặt câu, HS cũng không xác định được là câu đó đúng hay sai về mặt ngữ pháp. Hoạt động trên lớp là hoạt động giao tiếp giữa thầy với trò, nếu HS nói chưa thành câu thì giao tiếp không đạt được mục đích, giờ học không mang lại hiệu quả.

Mặt khác, do HS lớp 6 mới chuyển từ lớp 5 lên nên chưa có nhiều thời gian để thích nghi nhanh với các phương pháp học tập mới. Một bộ phận HS do năng lực hạn chế nên chậm hiểu, các em học tập thụ động, chưa tích cực, việc chuẩn bị bài chưa tốt; đặc biệt là khả năng nắm bắt về câu và cách chữa lỗi của không ít HS vẫn còn mơ hồ, chưa chắc chắn: có những em không xác định được lỗi sai trong câu và không biết cách sửa câu đúng. Chúng tôi thường gặp trong bài viết của các em những lỗi như sau:

nhầm trạng ngữ là chủ ngữ, chưa có chủ ngữ, chưa biết phát hiện lỗi sai, chưa chỉ ra được nguyên nhân và chữa được lỗi.

2. Rèn kĩ năng đặt câu

Để HS có khả năng đặt câu đúng, hạn chế những sai sót trong quá trình HS sử dụng việc đặt câu khi giao tiếp và luyện tập trên lớp, đặc biệt là trong các tiết kiểm tra; GV nên giúp HS hiểu rõ:

2.1. Câu cần phải viết đúng với quy tắc ngữ pháp TV. Câu đúng ngữ pháp TV là câu có đầy đủ hai thành phần nòng cốt là chủ ngữ (C) và vị ngữ (V). Vì thế, yêu cầu đầu tiên đối với việc đặt câu là phải đặt câu đúng với quy tắc TV. Chẳng hạn:

(1) Trời / mưa.

C V

(2) Nếu trời mưa / thì chúng ta / không đi cắm trại nữa.

C2 V2

C1

V1

(3) Mùa xuân đến / chim chóc / riú rít bay về.

C V

C V

Tr

C

Đây là những câu được đặt đúng với quy tắc đặt câu TV: Câu (1) là câu có một kết cấu chủ - vị (C-V) được gọi là câu đơn; Câu (2) là câu có hơn một kết cấu C-V, trong đó không có kết cấu C-V nào bao hàm kết cấu C-V được gọi là câu ghép; Câu (3) là câu cũng có hơn một kết cấu C-V nhưng chỉ có một kết cấu C-V làm nòng cốt, kết cấu C-V còn lại làm thành phần câu, được gọi là câu mở rộng thành phần.

Tuy nhiên, các quy tắc ngữ pháp của TV trong quá trình sử dụng vẫn có sự linh hoạt uyển chuyển mà những trường hợp sau đây sẽ cho chúng ta hiểu rõ hơn để có thể nắm chắc hơn và vận dụng vào cách đặt câu và xác

* Trường Trung học cơ sở Khương Thượng

định câu chính xác. Vì vậy, khi nắm chắc các trường hợp sau, HS sẽ có những kĩ năng đặt câu, phân biệt câu cũng như chữa lỗi hiệu quả hơn.

Phần lớn các câu trong TV đòi hỏi phải có đầy đủ hai thành phần nòng cốt là C và V. Tuy thế, tùy hoàn cảnh sử dụng cụ thể, người ta có thể dùng câu đặc biệt (câu không phân định thành phần hay không cấu tạo theo mô hình cụm C - V), câu rút gọn (câu bị tỉnh lược đi một thành phần nào đó). Ví dụ những câu đặc biệt: Mưa, Mùa xuân,... Hoặc những câu rút gọn sau (thành phần đã bị tỉnh lược cho gọn).

- Ví dụ: (1) - Anh đi đâu đấy?
- Đi học (*tỉnh lược chủ ngữ*)
(2) - Ai là chủ nhà đây?
- Tôi (*tỉnh lược vị ngữ*)
(3) - Anh ấy đi hôm nào?
- Hôm qua (*tỉnh lược cả chủ ngữ và*

vị ngữ)

Trong phạm vi câu: + Trật tự giữa hai thành phần nòng cốt thông thường là *chủ ngữ* đứng trước *vị ngữ*.
Ví dụ: - Em / học TV.

C V

Trật tự các thành phần khác: *Trạng ngữ* của câu có vị trí tương đối tự do (tùy theo điều kiện khách quan và dụng ý của người nói): - *Có thể đứng ở đầu câu*. Ví dụ: - *Ngày mai*, tôi nghỉ học; - *Có thể đứng ở giữa câu*, ví dụ: Tôi, *ngày mai*, nghỉ học; - *Có thể đứng ở cuối câu*, ví dụ: Tôi nghỉ học, *ngày mai*.

- *Đề ngữ của câu* thường có vị trí đứng đầu câu, ví dụ: *Giàu*, tôi cũng giàu rồi.

- *Phần chuyển tiếp* thường đứng ở đầu câu, ví dụ: (...)
Nói tóm lại, chúng ta đang gặp nhiều khó khăn.

- *Phần hô - đáp* ở trong câu thường có hai vị trí là: Đầu câu: - *Nam ơi*, lại đây; hoặc cuối câu: - Lại đây, *Nam ơi!*

- *Phần phụ chú* thường đi kèm ngay với từ mà nó bổ sung, giải thích. Ví dụ: Nguyễn Du, tác giả truyện Kiều, là nhà thơ lớn của dân tộc.

Mặt khác, để HS có khả năng và phương pháp tốt về kĩ năng đặt câu đúng, chính xác và không sai về mặt ngữ nghĩa, cần lưu ý:

2.2. Câu phải có quan hệ ngữ nghĩa phù hợp với tư duy người Việt. Trong quá trình đặt câu, người viết ngoài việc lưu ý đến yêu cầu viết đúng ngữ pháp TV, còn phải chú ý đến quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ trong câu. Chẳng hạn, những câu như: *Cái bàn tròn này vuông; Cái bàn gỗ này làm bằng sắt...* là những câu có quan hệ ngữ nghĩa nội tại không hợp logic nói chung vì những câu này mâu thuẫn nhau về các nét nghĩa. Cho nên khi viết câu

phải chú ý sao cho các nét nghĩa trong câu không được mâu thuẫn nhau.

Tính không mâu thuẫn giữa các nét nghĩa của từ ngữ trong câu thể hiện ở điểm sau: - Câu phản ánh đúng quan hệ trong thế giới khách quan. Những câu phản ánh không đúng hiện thực khách quan là những câu sai. Ví dụ: "Truyện Kiều" là một kiệt tác của Nguyễn Công Hoan (là một câu sai).

2.3. Quan hệ giữa các thành phần câu, các câu phải hợp logic. Những câu có quan hệ không hợp logic là những câu sai. Ví dụ: "Vì trời nắng nên đường lầy lội" (*là một câu sai*); - Quan hệ giữa các thành phần đẳng lập phải là quan hệ đồng loại. Những câu có các thành phần này thuộc các loại khác nhau là những câu sai. Ví dụ: Người chiến sĩ bị hai vết thương, một vết ở bên đùi trái và một vết ở Quảng Trị (*là một câu sai*).

Mặt khác, đối với HS, việc xác định và hiểu rõ về tác dụng của các dấu câu là điều rất quan trọng vì nếu nắm chắc tác dụng của các dấu câu thì khi đặt câu và sử dụng câu sẽ giúp HS hiểu rõ hơn về ý nghĩa của câu. Do vậy, HS sẽ có kĩ năng xác định và đặt câu chính xác; nghĩa là: câu phải được đánh dấu câu phù hợp. Hẳn người Việt Nam còn nhớ câu chuyện tiếu lâm về một quan huyện phê đơn li dị "Cho về nhà, lấy chồng mới không được ở với chồng cũ"; Nội dung của câu này rất khác nhau tùy thuộc vào việc, vị trí đặt dấu phẩy trong câu. Chẳng hạn: "*Cho về nhà, lấy chồng mới, không được ở với chồng cũ*" thì nội dung của câu hoàn toàn ngược lại so với "*Cho về nhà, lấy chồng mới không được, ở với chồng cũ*".

Do đó, khi đặt câu, người viết phải đặc biệt chú ý đến việc đặt dấu câu làm cho các quan hệ về ngữ pháp, ngữ nghĩa được tách bạch, rõ ràng, tránh cho người đọc có thể hiểu sai ý nghĩa của câu.

Trong TV hiện nay sử dụng một số loại dấu câu chủ yếu sau: 1) *Dấu chấm*: Dùng để đánh dấu sự kết thúc của câu trần thuật; 2) *Dấu chấm hỏi*: Dùng để đánh dấu câu nghi vấn; 3) *Dấu chấm lửng*: Dùng để biểu thị lời nói bị ngắt quãng vì xúc động; sự hài hước; sự kéo dài âm thanh; khoảng cách về thời gian; điều người nói chưa nói hết ... (dấu chấm lửng khi đặt trong ngoặc đơn, ngoặc vuông (...)) [...]; dùng để biểu thị lời dẫn trực tiếp bị lược bỏ một số câu); 4) *Dấu chấm phẩy*: Dùng để phân cách các thành phần tương đối độc lập trong câu; 5) *Dấu chấm than*: Dùng để đánh dấu câu cảm thán hoặc câu cầu khiến (dấu chấm than đôi khi đặt cùng dấu chấm hỏi (? !)) để biểu thị thái độ mỉa mai, châm biếm); 6) *Dấu ngang cách*: Dùng để phân biệt thành

phân chêm xen, đặt trước những lời đối thoại, các bộ phận liệt kê; 7) *Dấu hai chấm*: Dùng để báo hiệu điều trình bày tiếp theo mang ý nghĩa giải thích, thuyết minh, báo hiệu lời trích dẫn trực tiếp, lời đối thoại; 8) *Dấu ngoặc đơn*: Dùng để tách các thành phần có tác dụng giải thích, bổ sung; đóng khung bộ phận chỉ nguồn gốc lời trích dẫn...; 9) *Dấu ngoặc kép*: Dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp, đóng khung tên riêng, tên tác phẩm, đánh dấu những từ ngữ được hiểu theo nghĩa khác...; 10) *Dấu phẩy*: Dùng để tách các thành phần cùng loại, các vế câu; tách các thành phần biệt lập (hò ngữ, phần chuyển tiếp, phần chú thích, trạng ngữ...) tạo nhịp điệu biểu cảm cho câu.

Để HS thành thạo và đạt được kĩ năng đặt câu đúng theo quy tắc ngữ pháp, quan hệ ngữ nghĩa phù hợp, GV nên tạo điều kiện để HS rèn luyện câu.

Ví dụ:

- Đặt câu - mở rộng và rút gọn câu:

+ Đặt câu và mở rộng câu: - Đặt câu: Nông dân gặt. Thêm các từ ngữ mở rộng chủ ngữ. Ví dụ: Nông dân *xã tôi gặt*; Thêm các từ mở rộng vị ngữ. *Ví dụ*: Gió thổi -> Gió thổi *mạnh*; Thêm các từ mở rộng cả chủ ngữ và vị ngữ, ví dụ: Nông dân gặt -> Nông dân *xã tôi gặt lúa mùa*.

- Thêm các từ ngữ làm thành phần trạng ngữ, đề ngữ của câu. Ví dụ: Gió thổi -> Hôm nay, gió thổi mạnh hoặc "hôm nay, gió mùa đông bắc thổi mạnh".

Rút gọn câu: Biện pháp làm cho câu chỉ còn lại hai thành phần chính (C-V).

Ví dụ: Con tàu xinh xinh trườn đi trong đêm tối.
-> Con tàu/trườn đi.

C V

- Tách và ghép câu

+ Tách câu: Biện pháp làm cho một câu (*có nhiều vế, nhiều bộ phận*) trở thành nhiều câu riêng biệt. Ví dụ: Thấy giáo xem báo còn HS đọc sách -> Thấy giáo xem báo. HS đọc sách.

+ Ghép câu (ngược lại với tách câu) là làm cho nhiều câu đơn trở thành một câu. Ví dụ: Ông nội đến. Mọi người ra đón ông -> Ông nội đến, mọi người ra đón ông; - Trời nổi gió. Một cơn mưa ập đến -> Trời nổi gió và một cơn mưa ập đến.

3. Rèn kĩ năng chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ

Trước hết, để HS nắm được cách chữa lỗi, GV phải giúp HS hiểu được câu đúng quy tắc ngữ pháp. Đây là cơ sở và yêu cầu đầu tiên để HS có kĩ năng cơ bản đối với việc chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ. Vì vậy, để giúp HS chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ tốt, GV cần thực hiện một số biện pháp sau:

3.1. Phải xác định được thành phần chủ ngữ, vị ngữ và tìm ra lỗi sai của câu. Đối với HS, đây là một thao tác cơ bản nhưng cần thiết bắt đầu cho việc chữa lỗi. Vì chỉ khi nào HS đã xác định được câu mà mình cần sửa đã có đầy đủ thành phần chủ - vị chưa, câu đó có thiếu thành phần nào không, nếu thiếu thì thiếu thành phần chủ ngữ hay vị ngữ thì lúc đó HS mới có cơ sở để tiếp tục tiến hành các bước tiếp theo về chữa lỗi một cách hiệu quả; mà muốn xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong câu, GV cần phải vận dụng kĩ năng đặt câu hỏi để kiểm tra và xác định thành phần chủ ngữ, vị ngữ (chủ ngữ thường trả lời cho các câu hỏi: Ai?, Cái gì?, Con gì?,... Còn vị ngữ thì trả lời cho các câu hỏi: Là ai? Là cái gì? Làm gì? Như thế nào? Làm sao?...).

Ví dụ: (1) - Anh / đi đâu đấy? (2) - Ai / là chủ nhà đây?

C V C V
(3) - Em / học TV.
C V

Ví dụ: Để thực hiện việc sửa lỗi về chủ ngữ hoặc vị ngữ cho các câu sau: a) Qua truyện "Đế Mèn phiêu lưu kí" cho thấy Đế Mèn biết phục thiện; b) Qua truyện "Đế Mèn phiêu lưu kí", em thấy Đế Mèn biết phục thiện; c) Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù; d) Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.

Yêu cầu: - HS xác định được thành phần chủ ngữ và vị ngữ của các câu trên;

- Xác định lỗi sai của câu là do thiếu thành phần nào trong câu.

Kết quả: a) Qua truyện "Đế Mèn phiêu lưu kí" cho thấy Đế Mèn biết phục thiện. Tr

V

(*Đây là câu thiếu thành phần chủ ngữ*)

b) Qua truyện "Đế Mèn phiêu lưu kí", em / thấy Đế Mèn biết phục thiện. Tr C V

(*Câu đầy đủ thành phần chủ ngữ, vị ngữ*)

c) Thánh Gióng / cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt,

C

V

xông thẳng vào quân thù.

(*Câu đầy đủ thành phần chủ ngữ và vị ngữ*)

d) Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.

C

(*Đây là câu thiếu thành phần vị ngữ*)

3.2. Xác định được nguyên nhân mắc lỗi. Đây là bước tiếp theo để rèn kĩ năng chữa lỗi sau khi đã xác định được chủ ngữ và vị ngữ cũng như xác định được lỗi sai, HS sẽ thấy được các câu trên thiếu chủ ngữ hoặc vị ngữ là do đâu? hay vì sao lại bị mắc lỗi như

thế? từ đó, HS sẽ có cơ sở và căn cứ thực hiện việc chữa lỗi.

Ví dụ: khi HS đã xác định được lỗi sai ở các câu trên thì HS tiếp tục xác định nguyên nhân mắc lỗi là: Câu a. Nguyên nhân: Nhầm trạng ngữ với chủ ngữ; Câu d: Nhầm “định ngữ” với “vị ngữ”.

3.3. Xác định cách chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ. Đây là bước quan trọng cuối cùng nhằm rèn luyện cho HS ôn lại cả kĩ năng đặt câu từ các cách sửa khác nhau. Tuy nhiên, sau khi chữa lỗi thì có nhiều cách khác nhau miễn là cách sửa lỗi đó phù hợp nhất. Vì vậy, cần căn cứ vào nội dung, hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của từng câu như thế nào để có cách phù hợp và dễ hiểu nhất mà câu vẫn đúng với quy tắc ngữ pháp và nội dung ý nghĩa của câu.

Ví dụ, sau khi đã xác định được lỗi sai và nguyên nhân của các lỗi sai, GV cho HS rút ra cách chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ theo các cách sau:

- Sửa lỗi sai về chủ ngữ:

Câu a: Qua truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí” cho thấy Đế Mèn biết phục thiện. Tr

V

(Đây là câu thiếu thành phần chủ ngữ)

+ Thêm chủ ngữ cho câu: Tác giả

Qua truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí”, tác giả cho em thấy Đế Mèn biết phục thiện. Tr C V

Tr C V

+ Biến trạng ngữ thành chủ ngữ bằng cách bỏ từ “qua”.

Truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí” / cho em thấy Đế Mèn biết phục thiện. C V

+ Biến vị ngữ thành một cụm chủ - vị;

Qua truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí”, em / thấy Đế Mèn biết phục thiện. Tr C V

- Cách chữa lỗi sai về vị ngữ: + Thêm bộ phận vị ngữ:

Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù / đã để lại trong em niềm kính phục. C V

+ Hoặc biến cụm danh từ: “Hình ảnh/Thánh gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù” thành bộ phận của cụm chủ - vị: “Em rất thích hình ảnh Thánh gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù”.

4. Một vài đề xuất đối với GV và HS

Trước hết, GV phải tích cực trong việc đổi mới phương pháp rèn kĩ năng đặt câu và sửa lỗi cho HS, phát huy tính tích cực tự giác của HS - lấy HS làm

trung tâm. Tích cực chủ động trong việc tìm hiểu kiến thức về kĩ năng đặt câu và chữa lỗi cho HS thông qua việc không ngừng tự học, tự tích lũy nâng cao kiến thức chuyên môn. Hiện nay có khá nhiều tài liệu về ngữ pháp học của các nhà nghiên cứu nổi tiếng, uyên thâm như Cao Xuân Huy, Cao Xuân Hạo, Nguyễn Tài Căn nên GV có thể tham khảo để có thêm kiến thức rèn kĩ năng viết câu và đặt câu cho HS.

Mặt khác, GV cần chủ động đầu tư nghiên cứu, thiết kế bài dạy, sưu tầm các lỗi sai về đặt câu và chữa lỗi, chuẩn bị đồ dùng dạy học cho tiết dạy, từ đó có cơ sở cho việc áp dụng đổi mới phương pháp phù hợp với từng đối tượng HS để việc rèn kĩ năng đặt câu và chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ cho HS đạt kết quả tốt hơn.

Đối với HS, cần tích cực chủ động học tập theo sự hướng dẫn của GV. Có ý thức chuẩn bị bài đầy đủ và luyện kĩ năng về đặt câu, sửa lỗi, cũng như ý thức được tầm quan trọng của những kĩ năng đặt câu và chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ trong giao tiếp cũng như trong quá trình học tập. □

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Toán (Chủ biên) - Lê A - Đỗ Việt Hùng. **Tiếng Việt thực hành** (tái bản). NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.
2. Hoàng Phê. **Từ điển chính tả tiếng Việt**. NXB Đà Nẵng, 2003.
3. Nguyễn Khắc Phi. **Ngữ văn 6** (tập 1, 2). NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.

TỔ chức hoạt động khám phá...

(Tiếp theo trang 49)

học môn Toán ở trường phổ thông. NXB Đại học Sư phạm, H. 2009.

3. Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh. **Toán học cao cấp**. NXB Giáo dục, H. 2005.

4. Rodger W. Bybee, Joseph A. Taylor, April Gardner, Pamela Van Scotter, Janet Carlson Powell, Anne Westbrook, and Nancy Landes, *The BSCS 5E Instructional Model: Origins, Effectiveness, and Applications*. Biological Sciences Curriculum Study. 2006.

5. Harun Çelik, Untung Nugroho Harwanto. “The development of appropriate teaching material to 5e teaching model that examines the projectile motion”. *The Journal of International Education Science*. Vol. 2, No. 3, June 2015, pp. 123-137.